

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Số: 763 /QĐ-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2022
của Ngân hàng Nhà nước**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2645/QĐ-NHNN ngày 31/12/2018 của Thống đốc NHNN quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các đơn vị NHNN;

Căn cứ quyết định số 2673/QĐ-NHNN ngày 27/12/2019 của Thống đốc NHNN về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản của NHNN;

Căn cứ ý kiến của các Phó Thống đốc kèm theo Tờ trình số 409/TTr-VP2 ngày 08/4/2022 của Văn phòng Ngân hàng Nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính-Kế toán tại Tờ trình số 154/TTr-TCKT3 ngày 20/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước (Chi tiết tại phụ lục 01 đính kèm).

Điều 2. Về triển khai thực hiện:

- Về tổ chức mua sắm tập trung: (i). Giao Cục Quản trị mua sắm tập trung đối với máy in chuyên dùng, máy photocopy (chi tiết tại phụ lục số 02a và 02b đính kèm); (ii). Giao Cục Công nghệ thông tin mua sắm tập trung đối với thiết bị tường lửa (chi tiết tại phụ lục số 03 đính kèm).

- Đối với các tài sản còn lại: Giao các đơn vị có nhu cầu trang bị tài sản thực hiện mua sắm căn cứ kế hoạch được Thống đốc phê duyệt và theo phân cấp thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài chính-Kế toán, Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ, Cục trưởng Cục Quản trị, Chi Cục trưởng Chi Cục Quản trị, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Chi Cục trưởng Chi Cục Công nghệ thông tin, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi Cục trưởng Chi Cục Phát hành và Kho quỹ, Chánh Thanh tra Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng, Giám đốc Sở giao dịch và Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban lãnh đạo NHNN (để b/c);
- Vụ truyền thông (để công khai);
- Lưu VP, TCKT3.ĐTLâm. ✓

**KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đào Minh Tú



PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH MUA SẮM TSCĐ NĂM 2022
(Đính kèm Quyết định số 163/QĐ-NHNN ngày 28/9/2022)

đvt: đồng

TT	Tên đơn vị	Loại tài sản	Kế hoạch năm 2022		Trong đó:				Ghi chú
					Ghi kế hoạch vốn năm 2022		Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022		
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	
1	KẾ HOẠCH ĐỀ XUẤT MỚI NĂM 2022		170	66.495.000.000	58	11.020.000.000	112	55.475.000.000	
1	00100 - Sở Giao Dịch	Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 1	2	159.000.000	0	0	2	159.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Máy kiểm đếm đa năng	1	100.000.000	1	100.000.000	0	0	
2	00200 - NHNN Chi nhánh An Giang	Máy bơm chữa cháy	1	50.000.000	1	50.000.000	0	0	
		Máy photocopy thường	1	90.000.000	0	0	1	90.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
3	00300 - NHNN Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	1	52.000.000	0	0	1	52.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Máy in Laser A4 chuyên dùng	2	74.000.000	0	0	2	74.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
4	00400 - NHNN Chi nhánh Bạc Liêu	Xe nâng hàng, thang nâng hàng	1	387.000.000	1	387.000.000	0	0	
5	00500 - NHNN Chi nhánh Bắc Cạn	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		bảng điện tử Led chạy chữ trụ sở	1	90.000.000	1	90.000.000	0	0	
6	00600 - NHNN Chi nhánh Bắc Giang	Máy bó tiền tự động	1	65.000.000	1	65.000.000	0	0	
		hệ thống chữa cháy tự động bằng khí	1	1.806.000.000	0	0	1	1.806.000.000	
7	00700 - NHNN Chi nhánh Bắc Ninh	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
8	00800 - NHNN Chi nhánh Bến Tre	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	1	52.000.000	0	0	1	52.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
9	00900 - NHNN Chi nhánh Bình Dương	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	1	52.000.000	0	0	1	52.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
10	01000 - NHNN Chi nhánh Bình Định	Két sắt	1	47.000.000	1	47.000.000	0	0	
11	01100 - NHNN Chi nhánh Bình Phước	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A4 chuyên dùng	1	37.000.000	0	0	1	37.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
13	01300 - NHNN Chi nhánh Cà mau	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
14	01400 - NHNN Chi nhánh Cao Bằng	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Thiết bị tin học khác	0	0	0	0	0	0	
15	01500 - NHNN Chi nhánh Cần Thơ	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Điều hoà từ 36.000 BTU đến dưới 50.000 BTU	1	45.000.000	1	45.000.000	0	0	

TT	Tên đơn vị	Loại tài sản	Kế hoạch năm 2022		Trong đó:				Ghi chú
					Ghi kế hoạch vốn năm 2022		Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022		
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	
16	01600 - NHNN Chi nhánh Đà Nẵng	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	1	52.000.000	0	0	1	52.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Máy in Laser A4 chuyên dùng	1	37.000.000	0	0	1	37.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
17	01700 - NHNN Chi nhánh Đắk Lắk	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
18	01800 - NHNN Chi nhánh Đắk Nông	Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	1	52.000.000	0	0	1	52.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Điều hoà từ 36.000 BTU đến dưới 50.000 BTU	1	42.000.000	1	42.000.000	0	0	
19	01900 - NHNN Chi nhánh Điện Biên	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy photocopy thường	1	90.000.000	0	0	1	90.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
20	02000 - NHNN Chi nhánh Đồng Nai	Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	1	52.000.000	0	0	1	52.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Hệ thống Camera	1	663.000.000	1	663.000.000	0	0	
22	02200 - NHNN Chi nhánh Gia Lai	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	1	52.000.000	0	0	1	52.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
23	02300 - NHNN Chi nhánh Hà Giang	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Hệ thống Camera	1	200.000.000	1	200.000.000	0	0	
24	02400 - NHNN Chi nhánh Hà Nam	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
26	02600 - NHNN Chi nhánh Hà Tĩnh	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A4 chuyên dùng	1	37.000.000	0	0	1	37.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
27	02700 - NHNN Chi nhánh Hải Dương	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Thang máy	1	330.000.000	1	330.000.000	0	0	
28	02800 - NHNN Chi nhánh Hải Phòng	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy photocopy thường	1	90.000.000	0	0	1	90.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
29	02900 - NHNN Chi nhánh Hậu Giang	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
30	03000 - NHNN Chi nhánh Hòa Bình	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy photocopy thường	1	90.000.000	0	0	1	90.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
31	03100 - NHNN Chi nhánh Thừa Thiên Huế	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Hệ thống và thiết bị âm thanh phòng họp	1	170.000.000	1	170.000.000	0	0	
32	03200 - NHNN Chi nhánh Hưng Yên	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
33	03300 - NHNN Chi nhánh Kiên Giang	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
34	03400 - NHNN Chi nhánh Kon Tum	Máy in Laser A4 chuyên dùng	1	37.000.000	0	0	1	37.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung

TT	Tên đơn vị	Loại tài sản	Kế hoạch năm 2022		Trong đó:				Ghi chú
					Ghi kế hoạch vốn năm 2022		Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022		
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	
35	03500 - NHNN Chi nhánh Khánh Hòa	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	2	104.000.000	0	0	2	104.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Máy in Laser A4 chuyên dùng	1	37.000.000	0	0	1	37.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
36	03600 - NHNN Chi nhánh Lai Châu	Hệ thống và thiết bị âm thanh phòng họp	1	137.000.000	1	137.000.000	0	0	
37	03700 - NHNN Chi nhánh Lạng Sơn	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Bốt gác	2	100.000.000	2	100.000.000	0	0	
38	03800 - NHNN Chi nhánh Lào Cai	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
39	03900 - NHNN Chi nhánh Lâm Đồng	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
40	04000 - NHNN Chi nhánh Long An	Máy in Laser A4 chuyên dùng	2	74.000.000	0	0	2	74.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
41	04100 - NHNN Chi nhánh Nam Định	Hệ thống và thiết bị âm thanh phòng họp	1	41.000.000	1	41.000.000	0	0	
		Bốt gác	1	45.000.000	1	45.000.000	0	0	
43	04300 - NHNN Chi nhánh Ninh Thuận	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A4 chuyên dùng	1	37.000.000	0	0	1	37.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Máy bơm chữa cháy	1	230.000.000	1	230.000.000	0	0	
44	04400 - NHNN Chi nhánh Nghệ an	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Xe nâng hàng, thang nâng hàng	2	1.180.000.000	2	1.180.000.000	0	0	
45	04500 - NHNN Chi nhánh Phú Thọ	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	1	52.000.000	0	0	1	52.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
46	04600 - NHNN Chi nhánh Phú Yên	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	1	52.000.000	0	0	1	52.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Cửa chống ngập kho tiền	2	450.000.000	0	0	2	450.000.000	
47	04700 - NHNN Chi nhánh Quảng Bình	Máy photocopy thường	1	90.000.000	0	0	1	90.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
48	04800 - NHNN Chi nhánh Quảng Nam	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
50	05000 - NHNN Chi nhánh Quảng Ngãi	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	1	52.000.000	0	0	1	52.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Máy in Laser A4 chuyên dùng	1	37.000.000	0	0	1	37.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
51	05100 - NHNN Chi nhánh Quảng Trị	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
52	05200 - NHNN Chi nhánh Sóc Trăng	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy bó tiền tự động	1	65.000.000	1	65.000.000	0	0	
		Máy phát điện 125KVA	1	500.000.000	1	500.000.000	0	0	

TT	Tên đơn vị	Loại tài sản	Kế hoạch năm 2022		Trong đó:				Ghi chú
					Ghi kế hoạch vốn năm 2022		Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022		
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	
53	05300 - NHNN Chi nhánh Sơn La	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Xe nâng hàng, thang nâng hàng	1	590.000.000	1	590.000.000	0	0	
54	05400 - NHNN Chi nhánh Tây Ninh	Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	1	52.000.000	0	0	1	52.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
55	05500 - NHNN Chi nhánh Tiền Giang	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A4 chuyên dùng	1	37.000.000	0	0	1	37.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
56	05600 - NHNN Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	1	52.000.000	0	0	1	52.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Máy in Laser A4 chuyên dùng	2	74.000.000	0	0	2	74.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
57	05700 - NHNN Chi nhánh Tuyên Quang	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A4 chuyên dùng	1	37.000.000	0	0	1	37.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Máy bơm chữa cháy	1	65.000.000	1	65.000.000	0	0	
58	05800 - NHNN Chi nhánh Thái Bình	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	2	104.000.000	0	0	2	104.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Máy in Laser A4 chuyên dùng	2	74.000.000	0	0	2	74.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Hệ thống và thiết bị âm thanh phòng họp	1	242.000.000	1	242.000.000	0	0	
59	05900 - NHNN Chi nhánh Thái Nguyên	Máy bó tiền tự động	1	62.000.000	1	62.000.000	0	0	
		Máy photocopy thường	1	90.000.000	0	0	1	90.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Điều hoà từ 36.000 BTU đến dưới 50.000 BTU	3	150.000.000	3	150.000.000	0	0	
60	06000 - NHNN Chi nhánh Thanh Hóa	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Bảng điện tử Led chạy chữ trụ sở	1	47.000.000	1	47.000.000	0	0	
		Máy photocopy thường	1	90.000.000	0	0	1	90.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Điều hoà từ 50.000 BTU trở lên	1	37.000.000	1	37.000.000	0	0	
62	06200 - NHNN Chi nhánh Vĩnh Long	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy phát điện 200KVA	1	1.500.000.000	0	0	1	1.500.000.000	
63	06300 - NHNN Chi nhánh Vĩnh Phúc	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động cho phòng máy chủ	1	495.000.000	0	0	1	495.000.000	
		Điều hoà từ 36.000 BTU đến dưới 50.000 BTU	1	43.000.000	1	43.000.000	0	0	
64	06400 - NHNN Chi nhánh Yên Bái	Hệ thống và thiết bị tường lửa	1	360.000.000	0	0	1	360.000.000	Cục CNTT mua sắm tập trung
		Máy bó tiền tự động	1	70.000.000	1	70.000.000	0	0	

TT	Tên đơn vị	Loại tài sản	Kế hoạch năm 2022		Trong đó:				Ghi chú
					Ghi kế hoạch vốn năm 2022		Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022		
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	
65	06600 - Cục Công Nghệ Tin Học	"Bổ sung tài nguyên lưu trữ cho trung tâm dữ liệu chính và trung tâm dữ liệu dự phòng"	1	14.000.000.000	0	0	1	14.000.000.000	
		Trang bị phần mềm xác thực 2 thành tố bằng mật khẩu sử dụng một lần (soft OTP)	1	750.000.000	0	0	1	750.000.000	
		UPS loại trên 10 KVA	2	2.800.000.000	2	2.800.000.000	0	0	
		Máy photocopy thường	1	90.000.000	0	0	1	90.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Điều hoà từ 50.000 BTU trở lên	4	300.000.000	4	300.000.000	0	0	
67	06800 - Cục Quản Trị	Máy in Laser A4 chuyên dùng	6	222.000.000	0	0	6	222.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Máy in thẻ	1	180.000.000	1	180.000.000	0	0	
		Hệ thống chống đột nhập	1	700.000.000	1	700.000.000	0	0	
		Máy chiếu	1	96.000.000	1	96.000.000	0	0	
		Máy photocopy thường	4	360.000.000	0	0	4	360.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Máy Scan A3	1	165.000.000	1	165.000.000	0	0	
		lò nướng công nghiệp	3	173.000.000	3	173.000.000	0	0	
68	07000 - Chi cục Quản trị NHNN tại TP.HCM	Xe nâng hàng, thang nâng hàng	1	200.000.000	1	200.000.000	0	0	
		Điều hoà từ 36.000 BTU đến dưới 50.000 BTU	11	613.000.000	11	613.000.000	0	0	
71	078ZZ - Cơ quan Thanh tra giám sát NH - Tổng hợp	Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2	2	104.000.000	0	0	2	104.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Máy in Laser A4 chuyên dùng	4	148.000.000	0	0	4	148.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
		Máy photocopy thường	2	180.000.000	0	0	2	180.000.000	Cục Quản trị mua sắm tập trung
72	07900 - Cục Phát Hành Và Kho Quỹ	hệ thống điều không khử ẩm kho tiền Ao Phên	1	15.000.000.000	0	0	1	15.000.000.000	
		hệ thống kiểm soát an ninh	1	3.000.000.000	0	0	1	3.000.000.000	
II	KẾ HOẠCH NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG		60	438.266.643.093	40	168.931.806.693	20	269.334.836.400	
1	An Giang	Xe nâng hàng chạy điện	1	915.000.000	1	915.000.000			
2	Bạc Liêu	Hệ thống mạng cục bộ	1	290.000.000	1	290.000.000			
3	Bắc Cạn	Trang bị 02 hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động bằng khí cho kho tiền	2	3.000.000.000			2	3.000.000.000	
4	Cà Mau	Máy photocopy thường	1	90.000.000	1	90.000.000			
5	Hải Dương	Hệ thống mạng LAN	1	1.218.952.900			1	1.218.952.900	
6	Kiên Giang	Hệ thống camera kho tiền	1	300.000.000	1	300.000.000			
7	Lào Cai	Hệ thống mạng nội bộ (cấu phần "Trang bị hạ tầng truyền dẫn hệ thống mạng LAN Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lào Cai")	1	634.193.939	1	634.193.939			
		Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí cho kho tiền	1	1.202.000.000			1	1.202.000.000	

TT	Tên đơn vị	Loại tài sản	Kế hoạch năm 2022		Trong đó:				Ghi chú
					Ghi kế hoạch vốn năm 2022		Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022		
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	
8	Nam Định	Trạm biến áp	1	989.000.000	1	989.000.000			
9	Ninh Thuận	Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí cho kho tiền	1	1.349.957.435	1	1.349.957.435			
10	Phú Thọ	Trạm biến áp 400KVA	1	1.500.000.000	1	1.500.000.000			
11	Phú Yên	Hệ thống cảnh báo và chữa cháy bằng khí cho kho tiền	1	1.549.157.257	1	1.549.157.257			
		Máy bơm chữa cháy bằng động cơ xăng	1	246.000.000	1	246.000.000			
12	Quảng Ngãi	UPS loại 10KVA	1	127.000.000	1	127.000.000			
13	Sóc Trăng	Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí cho kho tiền	1	1.237.000.000			1	1.237.000.000	
14	Tây Ninh	Hệ thống camera quan sát	1	1.181.829.000	1	1.181.829.000			
15	Yên Bái	Hệ thống mạng LAN	1	1.047.645.500			1	1.047.645.500	
16	Cục Quản trị	Máy bỏ tiền tự động (trang bị cho Sở Giao dịch)	1	71.000.000	1	71.000.000			
		Mua sắm tập trung máy in năm 2021	1	2.254.000.000	1	2.254.000.000			
		03 máy tính xách tay phục vụ hoạt động điều hành chính sách tiền tệ và dự trữ ngoại hối Nhà nước	3	189.802.000	3	189.802.000			
		Hệ thống camera quan sát trụ sở 25 Lý Thường Kiệt	1	7.360.000.000	1	7.360.000.000			
		Mua sắm bổ sung thiết bị, phần mềm hệ thống kiểm soát ra vào tại các trụ sở NHNN TƯ	1	3.183.096.000	1	3.183.096.000			
		Trang bị hệ thống âm thanh phòng họp số 01 trụ sở 49 Lý Thái Tổ	1	3.482.276.400	1	3.482.276.400			
		Trang bị hệ thống âm thanh sảnh nhà A	1	4.996.000.000			1	4.996.000.000	
17	Cục CNTT	Mở rộng hệ thống thông tin báo cáo NHNN liên thông với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	1	906.200.000	1	906.200.000			
		Trang bị phần mềm quản lý, hỗ trợ xử lý sự cố tập trung (Helpdesk)	1	9.386.204.000	1	9.386.204.000			
		Trang bị hệ thống an ninh mạng cho Trung tâm dữ liệu NHNN	1	19.898.646.910	1	19.898.646.910			
		Xây dựng trung tâm điều hành an ninh mạng NHNN (SOC)	1	19.836.238.000			1	19.836.238.000	
		Mua sắm thay thế trang thiết bị mạng cho các đơn vị NHNN	1	14.900.000.000			1	14.900.000.000	Chi tiết theo QĐ số 1006/QĐ-NHNN ngày 18/6/2021
		Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô	1	19.500.000.000			1	19.500.000.000	
		Mở rộng, nâng cấp hệ thống SG3.1 đáp ứng các yêu cầu thay đổi	1	4.800.000.000			1	4.800.000.000	
		Mua sắm thay thế trang thiết bị CNTT cho trụ sở 25 Lý Thường Kiệt	1	14.997.000.000			1	14.997.000.000	
		Thiết bị định tuyến vùng mạng WAN (Kon Tum)	1	400.000.000			1	400.000.000	
		Thiết bị chuyển mạch vùng mạng nội bộ tại đơn vị (Tuyên Quang)	1	300.000.000			1	300.000.000	
		Đầu tư trang bị giải pháp PCRT sử dụng cho Cục Phòng chống rửa tiền - Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng	1	45.000.000.000			1	45.000.000.000	

TT	Tên đơn vị	Loại tài sản	Kế hoạch năm 2022		Trong đó:				Ghi chú
					Ghi kế hoạch vốn năm 2022		Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022		
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	
18	Chi Cục Quản trị	Barie tự động tại trụ sở số 8 Võ Văn Kiệt	1	344.000.000	1	344.000.000			
		Mua sắm, lắp đặt hệ thống kiểm soát ra vào trụ sở số 08 Võ Văn Kiệt (gồm hệ thống kiểm soát ra vào cổng chính và hệ thống cửa xoay kiểm soát ra vào cửa sau)	1	5.178.000.000	1	5.178.000.000			
		Hệ thống màn hình LED cho hội trường số 8 Võ Văn Kiệt	1	1.254.000.000	1	1.254.000.000			
		Hệ thống trình chiếu phòng họp nhỏ tại lầu 2 tại trụ sở 12 Hàm Nghi	1	467.280.000	1	467.280.000			
		Hệ thống âm thanh phòng họp nhỏ tại lầu 2 trụ sở 12 Hàm Nghi	1	276.595.000	1	276.595.000			
19	Chi Cục PHKQ	Hệ thống báo chấn động Kho tiêu hủy	1	132.957.000	1	132.957.000			
		Xe nâng hàng chạy điện (đơn vị đề nghị xe nâng hàng Mitsubishi FB15CB 1500kg)	2	1.170.548.000	2	1.170.548.000			
20	Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng	Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa	1	93.337.063.752	1	93.337.063.752			
21	Cục PH & KQ	08 máy kiểm đếm, phân loại tiền	8	10.868.000.000	8	10.868.000.000			Cục PHKQ mua sắm tập trung
		Máy tiêu hủy tiền cotton chuyên dùng (trang bị tại Cục PHKQ)	1	66.500.000.000			1	66.500.000.000	
		Máy tiêu hủy tiền cotton chuyên dùng (trang bị tại Chi Cục PHKQ)	1	66.500.000.000			1	66.500.000.000	
		Xe hộ tổng vận chuyển tiền	3	3.900.000.000			3	3.900.000.000	
TỔNG CỘNG			230	504.761.643.093	98	179.951.806.693	132	324.809.836.400	

Ghi chú: Đối với đề xuất mua sắm ô tô, do hiện nay NHNN chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định mức xe ô tô chuyên dùng nên NHNN chưa phê duyệt việc mua sắm mới xe ô tô theo đề nghị của các đơn vị.



PHỤ LỤC 02a: CHI TIẾT KẾ HOẠCH MUA SẮM MÁY IN GIAO CỤC QUẢN TRỊ MUA SẮM TẬP TRUNG
(Đính kèm Quyết định số 363/QĐ-NHNN ngày 28/ 9/2022)

đvt: đồng

TT	Tên đơn vị	Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 1		Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2		Máy in Laser A4 chuyên dùng	
		SL	Giá KH	SL	Giá KH	SL	Giá KH
1	00100 - Sở Giáo Dục	2	159.000.000				
2	00300 - NHNN Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu			1	52.000.000		
						2	74.000.000
3	00800 - NHNN Chi nhánh Bến Tre			1	52.000.000		
4	00900 - NHNN Chi nhánh Bình Dương			1	52.000.000		
5	01100 - NHNN Chi nhánh Bình Phước					1	37.000.000
6	01600 - NHNN Chi nhánh Đà Nẵng			1	52.000.000		
						1	37.000.000
7	01800 - NHNN Chi nhánh Đắk Nông			1	52.000.000		
8	02000 - NHNN Chi nhánh Đồng Nai			1	52.000.000		
9	02200 - NHNN Chi nhánh Gia Lai			1	52.000.000		
10	02600 - NHNN Chi nhánh Hà Tĩnh					1	37.000.000
11	03400 - NHNN Chi nhánh Kon Tum					1	37.000.000
12	03500 - NHNN Chi nhánh Khánh Hòa			2	104.000.000		
						1	37.000.000
13	04000 - NHNN Chi nhánh Long An					2	74.000.000
14	04300 - NHNN Chi nhánh Ninh Thuận					1	37.000.000
15	04500 - NHNN Chi nhánh Phú Thọ			1	52.000.000		
16	04600 - NHNN Chi nhánh Phú Yên			1	52.000.000		
17	05000 - NHNN Chi nhánh Quảng Ngãi			1	52.000.000		
						1	37.000.000
18	05400 - NHNN Chi nhánh Tây Ninh			1	52.000.000		
19	05500 - NHNN Chi nhánh Tiền Giang					1	37.000.000
20	05600 - NHNN Chi nhánh TP Hồ Chí Minh			1	52.000.000		
						2	74.000.000
21	05700 - NHNN Chi nhánh Tuyên Quang					1	37.000.000
22	05800 - NHNN Chi nhánh Thái Bình			2	104.000.000		
						2	74.000.000

TT	Tên đơn vị	Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 1		Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2		Máy in Laser A4 chuyên dùng	
		SL	Giá KH	SL	Giá KH	SL	Giá KH
23	06800 - Cục Quản Trị					6	222.000.000
24	078ZZ - Cơ quan Thanh tra giám sát NH - Tổng hợp			2	104.000.000		
						4	148.000.000
	TỔNG CỘNG	2	159.000.000	18	936.000.000	27	999.000.000

Ghi chú: Thông số kỹ thuật cơ bản máy in A3 chuyên dùng loại 1, máy in A3 chuyên dùng loại 2 và máy in A4 chuyên dùng tại phụ lục số 04, Quyết định số 2645/QĐ-NHNN ngày 31/12/2018



**PHỤ LỤC 02b: CHI TIẾT KẾ HOẠCH MUA SẮM MÁY PHOTOCOPY
GIAO CỤC QUẢN TRỊ MUA SẮM TẬP TRUNG**

(Đính kèm Quyết định số 763./QĐ-NHNN ngày 28./4./2022)

đvt: đồng

TT	Tên đơn vị	Số lượng	Giá kế hoạch	Ghi chú
1	00200 - NHNN Chi nhánh An Giang	1	90.000.000	
2	01900 - NHNN Chi nhánh Điện Biên	1	90.000.000	
3	02800 - NHNN Chi nhánh Hải Phòng	1	90.000.000	
4	03000 - NHNN Chi nhánh Hòa Bình	1	90.000.000	
5	04700 - NHNN Chi nhánh Quảng Bình	1	90.000.000	
6	05900 - NHNN Chi nhánh Thái Nguyên	1	90.000.000	
7	06000 - NHNN Chi nhánh Thanh Hóa	1	90.000.000	
8	06600 - Cục Công Nghệ Tin Học	1	90.000.000	
9	06800 - Cục Quản Trị	4	360.000.000	Trang bị cho Vụ Tín dụng, Đoàn Thanh niên, Văn phòng, Cục Quản trị
10	078ZZ - Cơ quan Thanh tra giám sát NH - Tổng hợp	2	180.000.000	
	TỔNG CỘNG	14	1.260.000.000	

th



**PHỤ LỤC 03: CHI TIẾT KẾ HOẠCH MUA SẴM THIẾT BỊ TƯỜNG LỬA
GIAO CỤC CNTT MUA SẴM TẬP TRUNG**

(Đính kèm Quyết định số 262../QĐ-NHNN ngày 28/4../2022)

đvt: đồng

TT	Tên đơn vị	Số lượng	Giá trị
1	00500 - NHNN Chi nhánh Bắc Cạn	1	360.000.000
2	00700 - NHNN Chi nhánh Bắc Ninh	1	360.000.000
3	00800 - NHNN Chi nhánh Bến Tre	1	360.000.000
4	00900 - NHNN Chi nhánh Bình Dương	1	360.000.000
5	01100 - NHNN Chi nhánh Bình Phước	1	360.000.000
6	01300 - NHNN Chi nhánh Cà Mau	1	360.000.000
7	01400 - NHNN Chi nhánh Cao Bằng	1	360.000.000
8	01500 - NHNN Chi nhánh Cần Thơ	1	360.000.000
9	01600 - NHNN Chi nhánh Đà Nẵng	1	360.000.000
10	01700 - NHNN Chi nhánh Đắk Lắk	1	360.000.000
11	01900 - NHNN Chi nhánh Điện Biên	1	360.000.000
12	02200 - NHNN Chi nhánh Gia Lai	1	360.000.000
13	02300 - NHNN Chi nhánh Hà Giang	1	360.000.000
14	02400 - NHNN Chi nhánh Hà Nam	1	360.000.000
15	02600 - NHNN Chi nhánh Hà Tĩnh	1	360.000.000
16	02700 - NHNN Chi nhánh Hải Dương	1	360.000.000
17	02800 - NHNN Chi nhánh Hải Phòng	1	360.000.000
18	02900 - NHNN Chi nhánh Hậu Giang	1	360.000.000
19	03000 - NHNN Chi nhánh Hòa Bình	1	360.000.000
20	03100 - NHNN Chi nhánh Thừa Thiên Huế	1	360.000.000
21	03200 - NHNN Chi nhánh Hưng Yên	1	360.000.000
22	03300 - NHNN Chi nhánh Kiên Giang	1	360.000.000
23	03500 - NHNN Chi nhánh Khánh Hòa	1	360.000.000
24	03700 - NHNN Chi nhánh Lạng Sơn	1	360.000.000
25	03800 - NHNN Chi nhánh Lào Cai	1	360.000.000
26	03900 - NHNN Chi nhánh Lâm Đồng	1	360.000.000
27	04300 - NHNN Chi nhánh Ninh Thuận	1	360.000.000
28	04400 - NHNN Chi nhánh Nghệ An	1	360.000.000
29	04500 - NHNN Chi nhánh Phú Thọ	1	360.000.000
30	04600 - NHNN Chi nhánh Phú Yên	1	360.000.000
31	04800 - NHNN Chi nhánh Quảng Nam	1	360.000.000
32	05000 - NHNN Chi nhánh Quảng Ngãi	1	360.000.000
33	05100 - NHNN Chi nhánh Quảng Trị	1	360.000.000
34	05200 - NHNN Chi nhánh Sóc Trăng	1	360.000.000
35	05300 - NHNN Chi nhánh Sơn La	1	360.000.000
36	05500 - NHNN Chi nhánh Tiền Giang	1	360.000.000
37	05700 - NHNN Chi nhánh Tuyên Quang	1	360.000.000

TT	Tên đơn vị	Số lượng	Giá trị
38	05800 - NHNN Chi nhánh Thái Bình	1	360.000.000
39	06000 - NHNN Chi nhánh Thanh Hóa	1	360.000.000
40	06200 - NHNN Chi nhánh Vĩnh Long	1	360.000.000
41	06300 - NHNN Chi nhánh Vĩnh Phúc	1	360.000.000
42	06400 - NHNN Chi nhánh Yên Bái	1	360.000.000
	TỔNG CỘNG	42	15.120.000.000

Q4